

Số: /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng
Khu công nghiệp Nam Sách 1, huyện Nam Sách, tỷ lệ 1/2000

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ Quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 19/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương về việc thông qua Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Nam Sách 1, huyện Nam Sách, tỷ lệ 1/2000;

Theo đề nghị của UBND huyện Nam Sách tại Tờ trình số 263/TTr-UBND ngày 26/6/2025; của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 2852/BC-SXD ngày 26/6/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Nam Sách 1, huyện Nam Sách, tỷ lệ 1/2000, với nội dung chính như sau:

I. Hồ sơ

1. Tên đồ án: Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Nam Sách 1, huyện Nam Sách, tỷ lệ 1/2000.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND huyện Nam Sách.

3. Đơn vị tư vấn: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Á Châu.

4. Hồ sơ: Gồm 13 bản vẽ, thuyết minh, quy định quản lý theo đồ án quy hoạch và các văn bản liên quan kèm theo.

II. Nội dung quy hoạch

1. Vị trí, quy mô

1.1. Vị trí:

Khu công nghiệp Nam Sách 1 thuộc địa giới hành chính các xã: An Phú và An Bình, huyện Nam Sách. Ranh giới quy hoạch được xác định như sau:

- a) Phía Bắc: Giáp kênh KT Ngọc Trì và KCN An Phát 1;
- b) Phía Nam: Giáp đường huyện ĐH.16 (trục Đông - Tây của huyện);
- c) Phía Đông: Giáp khu vực nông nghiệp hiện trạng;
- d) Phía Tây: Giáp dân hiện trạng ven Quốc lộ 37.

1.2. Quy mô:

a) Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch Khu công nghiệp là 115,91 ha, trong đó:

- Diện tích quy hoạch Khu công nghiệp: 100,0ha.
- Diện tích nghiên cứu quy hoạch khớp nối hạ tầng: 15,91ha.

(Điều chỉnh ranh giới, giảm diện tích 4,09 ha nghiên cứu quy hoạch so với nhiệm vụ quy hoạch phân khu được duyệt do rà soát ranh giới nghiên cứu quy hoạch để khớp nối đồng bộ với quy mô tuyến đường huyện ĐH.16 theo Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Nam Sách được duyệt (theo ý kiến kết luận của Hội đồng thẩm định tại Thông báo 2586/TB-HĐTĐ ngày 19/6/2025).

b) Dự báo quy mô lao động: Khoảng 7.000 lao động.

2. Tính chất

2.1. Là Khu công nghiệp công nghệ hiện đại, tiên tiến, thân thiện với môi trường, bao gồm các lĩnh vực ngành nghề sản xuất như: Sản xuất, chế tạo thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, các sản phẩm công nghệ, kỹ thuật cao phục vụ các ngành điện tử, công nghệ thông tin, chế tạo cơ khí, chế tạo máy móc, thiết bị, hàng tiêu dùng, công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản... thu hút các ngành nghề theo lĩnh vực thu hút đầu tư của tỉnh và pháp luật có liên quan...

2.2. Là Khu công nghiệp được đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hiện đại; có hệ thống công trình xã hội công cộng tiện ích (gồm cơ sở lưu trú, th

ương mại dịch vụ, văn hóa thể thao, y tế, công viên cây xanh...) phục vụ cho công nhân, người lao động trong Khu công nghiệp.

3. Các nội dung quy hoạch chính

3.1. Phương án quy hoạch sử dụng đất:

a) Khu trung tâm, dịch vụ Khu công nghiệp (Ký hiệu HCDV) gồm: Cơ sở lưu trú cho công nhân, người lao động, chuyên gia trong Khu công nghiệp; Thiết chế công đoàn, văn hóa, giáo dục, y tế; dịch vụ thương mại.

b) Khu công nghiệp, kho tàng (Ký hiệu CN-01 ÷ CN-05): Các lô đất xây dựng các công trình nhà máy, kho tàng (bao gồm cả các công trình hành chính, dịch vụ của từng nhà máy) tiếp giáp với 02 trục đường chính nội bộ trong Khu công nghiệp. Lô đất CN-05 (diện tích khoảng 4,41ha) phục vụ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo...

c) Đất xây dựng trụ sở làm việc của lực lượng công an bảo đảm an ninh trật tự, PCCC và CNCH (Ký hiệu AN): Quy hoạch đất xây dựng trụ sở lực lượng công an bảo đảm an ninh trật tự - phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ).

d) Khu vực đầu mối hạ tầng kỹ thuật (Ký hiệu HTKT): Quy hoạch trạm xử lý nước thải, khu tập kết rác, trạm bơm cấp nước, bể nước PCCC, trạm biến áp).

e) Khu vực đất cây xanh, mặt nước:

- Quy hoạch các lô đất cây xanh tập trung, cây xanh cách ly quanh khu công nghiệp (rộng tối thiểu 10m).

- Xây dựng hoàn trả mương hở 12m theo đường trục chính Bắc Nam và tuyến mương hở 8m phía Nam dự án (kết nối về kênh KT trạm bơm Ngọc Trì).

f) Khu vực nghiên cứu khớp nối hạ tầng kỹ thuật (nằm ngoài KCN) gồm: Đường giao thông đối ngoại ĐH.16 kết nối với QL.37, tuyến đường dân sinh phía Bắc, phía Tây KCN và tuyến mương, hành lang tuyến mương KT trạm bơm Ngọc Trì).

g) Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất:

TT	Chức năng	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
Diện tích nghiên cứu		115,91	
I	Diện tích khu vực lập quy hoạch KCN	100,0	100,00
1	Đất trung tâm dịch vụ	2,83	2,83
2	Đất công nghiệp kho tàng	70,11	70,11
3	Đất hạ tầng kỹ thuật	1,71	1,71

TT	Chức năng	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
4	Đất xây dựng Trụ sở làm việc của lực lượng Công an bảo đảm ANTT, PCCC và CNCH	2,60	2,60
5	Đất cây xanh, mương nước	11,41	11,41
5.1	<i>Đất cây xanh</i>	<i>10,11</i>	<i>10,11</i>
5.2	<i>Mương nước</i>	<i>1,30</i>	<i>1,30</i>
7	Đất giao thông	11,34	11,34
7.1	<i>Bãi giao thông</i>	<i>10,44</i>	<i>10,44</i>
7.2	<i>Đất bãi đỗ xe</i>	<i>0,90</i>	<i>0,90</i>
II	Diện tích nghiên cứu quy hoạch khớp nối hạ tầng kỹ thuật (nằm ngoài KCN)	15,91	
	Diện tích đầu nối đường giao thông ĐH.16 + Quốc lộ 37 + đường dân sinh + mương Ngọc Trì	15,91	

3.2. Kiểm soát tầng cao, không gian ngầm:

a) Mật độ xây dựng, tầng cao:

- Các lô đất nhà máy, kho tàng: Số tầng cao tối đa 5 tầng (chưa bao gồm tầng tum, tầng hầm), chiều cao tối đa 30 m; được phép bố trí tối đa 01 tầng hầm (phục vụ hạ tầng kỹ thuật, bãi đỗ xe); mật độ xây dựng tối đa 70%.

- Đất trung tâm dịch vụ Khu công nghiệp: Số tầng cao tối đa 12 tầng (chưa bao gồm tầng tum, tầng hầm), được phép bố trí tối đa 01 tầng hầm (phục vụ hạ tầng kỹ thuật, bãi đỗ xe); mật độ xây dựng tối đa 45%.

- Đất xây dựng trụ sở lực lượng công an bảo đảm an ninh trật tự - phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ: tầng cao, mật độ xây dựng quy định chi tiết theo dự án riêng.

- Khu vực đầu mối hạ tầng kỹ thuật: Số tầng cao tối đa 03 tầng (chưa bao gồm tầng tum, tầng hầm), chiều cao tối đa 15m; mật độ xây dựng tối đa 60%.

- Đối với các công trình có chiều cao từ 45 m trở lên, khi lập quy hoạch chi tiết hoặc thiết kế, xây dựng phải thực hiện tuân thủ các quy định về quản lý độ cao tĩnh không công trình theo các quy định pháp luật hiện hành.

- Bố trí công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm (đường dây, đường ống, bể cáp, tuynel, hào kỹ thuật...) tại các tuyến giao thông trong quy hoạch khu công nghiệp... phục vụ kết nối tới công trình sử dụng.

- Việc xây dựng, sử dụng không gian ngầm, tầng hầm phải bảo đảm các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế liên quan.

b) Yêu cầu đối với các lô đất bố trí xây dựng nhà lưu trú công nhân, người lao động trong khu công nghiệp:

Đối với các lô đất dịch vụ có bố trí xây dựng công trình lưu trú cho công nhân người lao động: Công trình lưu trú công nhân bố trí loại hình chung cư cao tầng theo quy định tại Điều 96 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Khi lập quy hoạch chi tiết, thực hiện dự án, đầu tư xây dựng phải bảo đảm an toàn về môi trường theo các quy định về Bảo vệ môi trường và quy định tại Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 và Điều 59 Nghị định 100/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

3.3. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) San nền:

- Cao độ san nền tại các lô đất quy hoạch từ +3,00 m ÷ +3,20 m. Cao độ tim đường quy hoạch đồng mức +2,90 m và một số điểm cục bộ được xác định cụ thể ở các bước thực hiện tiếp theo.

- Cao độ san nền trong các lô đất là khống chế, được phép tính toán cụ thể ở bước lập dự án đầu tư hạ tầng bảo đảm tiết kiệm vật liệu san lấp, đồng thời an toàn khi xây dựng.

b) Giao thông:

- Giao thông đối ngoại: đường huyện ĐH.16 (đường trục Đông - Tây của huyện) lộ giới 32,0 m (5,0m+10,5m+3,0m+10,5m+3,0m).

- Giao thông nội bộ Khu công nghiệp: gồm các tuyến đường có lộ giới từ 41,5m đến 50,5m.

+ Mặt cắt: 41,5 m (8,0m+11,25m+3,0+11,25m+8,0m);

+ Mặt cắt: 50,5 m (8,0m+11,25m+12,0m+11,25m+8,0m).

- Các tuyến đường giao thông trong Khu công nghiệp (bao gồm giao thông đối ngoại, giao thông nội bộ) được sử dụng chung phục vụ cho nhà đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp và nhân dân, địa phương, doanh nghiệp lân cận. Thực hiện đấu nối giao thông với các tuyến đường hiện hữu của các khu dân cư xung quanh Khu công nghiệp, phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân.

- Bãi đỗ xe: Bố trí 01 bãi đỗ xe có diện tích 0,81 ha, phía Đông Khu công nghiệp; các nhà máy, tòa nhà thiết kế bãi đỗ xe nội bộ bảo đảm đáp ứng đủ nhu cầu.

- Chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ quy hoạch giao thông, chỉ giới xây dựng và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch phân khu xây dựng kèm theo.

- Được phép bố trí các trạm sạc điện tại bãi đỗ xe, khu hạ tầng, khu dịch vụ, nhà máy, kho tàng, lô đất cây xanh tập trung để bảo đảm phục vụ kịp thời nhu cầu sử dụng, phát triển của phương tiện giao thông xanh.

c) Thoát nước mưa: Sử dụng hệ thống thoát nước mặt, nước thải riêng biệt.

- Hướng thoát nước chính: Toàn bộ khu công nghiệp chia thành 03 lưu vực chính: lưu vực phía Tây Khu công nghiệp, lưu vực giữa dự án và lưu vực phía Đông Khu công nghiệp. Hướng thoát nước chính ra hệ thống kênh KT trạm bơm Ngọc Trì.

- Hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp được xây dựng bằng hệ thống cống tròn BTCT D800-D2000, kết hợp cống hộp để thoát nước mặt Khu công nghiệp.

- Quy mô, kích thước tuyến kênh hoàn trả được xác định cụ thể theo thỏa thuận, thống nhất của cơ quan quản lý có thẩm quyền. Nhà đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý thủy lợi có thẩm quyền để quản lý, vận hành và duy tu các tuyến kênh mương hoàn trả trong phạm vi Khu công nghiệp.

- Hướng thoát nước, vị trí cống, kích thước cống trên bản đồ quy hoạch có tính chất định hướng, được xác định cụ thể ở các bước lập quy hoạch chi tiết (nếu có), lập dự án đầu tư xây dựng (báo cáo nghiên cứu khả thi) hoặc thiết kế xây dựng bảo đảm phù hợp quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan và thực tế triển khai.

d) Thoát nước thải, rác thải, vệ sinh môi trường:

- Bố trí 01 trạm xử lý nước thải tập trung tại lô đất HTKT phía Đông dự án, công suất xử lý khoảng 2.500m³/ngày.đêm (Công suất xử lý nước thải của trạm có thể điều chỉnh, được xác định theo nhu cầu dùng nước của các dự án thứ cấp). Công suất cụ thể của trạm xử lý nước thải sẽ được xác định trong bước lập dự án đầu tư và theo công suất theo đánh giá tác động môi trường Khu công nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Nước thải từ các nhà máy, kho tàng, khu điều hành, dịch vụ, lưu trú được thu gom về khu xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp để xử lý bảo đảm đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải được thu gom từ hệ thống cống và dẫn vào nhà máy xử lý nước thải bằng đường ống có đường kính từ D300 đến D400. Hướng thoát nước, vị trí cống, kích thước cống trên bản đồ quy hoạch có tính chất định hướng, được xác định cụ thể ở các bước lập quy hoạch chi tiết (nếu có), lập dự án đầu tư xây dựng (báo cáo nghiên cứu khả thi) hoặc thiết kế xây dựng bảo đảm phù hợp quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan và thực tế triển khai.

- Vệ sinh môi trường: Rác thải sinh hoạt được thu gom tại từng nhà máy và chuyển đi trong ngày đến khu xử lý rác tập trung. Rác thải (chất thải rắn) trong quá trình sản xuất được xử lý theo thỏa thuận, hợp đồng với đơn vị xử lý chất thải theo quy định.

e) Cấp nước:

- Tổng nhu cầu dùng nước của Khu công nghiệp khoảng 4.210 m³/ngđ (Công suất cấp nước có thể điều chỉnh, được xác định theo nhu cầu dùng nước của các dự án thứ cấp).

- Nguồn nước: Nguồn cấp nước từ nhà máy nước sạch An Bình có (công suất 45.000 m³/ngày) theo thỏa thuận của Nhà đầu tư với các đơn vị cấp nước.

- Bố trí trạm tăng áp công suất 400 m³/h trong khu vực lô HTKT. Ống cấp nước có đường kính D110 đến D225. Trên các tuyến ống cấp nước có bố trí họng cứu hỏa với khoảng cách 150m/trụ.

- Cấp phòng cháy chữa cháy: Bể chứa nước Phòng cháy chữa cháy kết hợp cấp nước Khu công nghiệp bố trí tại lô đất hạ tầng kỹ thuật HTKT.

f) Cấp điện, thông tin liên lạc:

- Nhu cầu cấp điện cho khu công nghiệp dự kiến khoảng 26.215kVA.

- Nguồn điện: Lấy điện từ TBA 110kV Nam Sách 2 (2x63MVA) thông qua các tuyến đường dây trung thế 22kV.

- Lưới điện trung thế 22kV được đi ngầm dọc theo vỉa hè giao thông nội bộ Khu công nghiệp. Lưới điện chiếu sáng được thiết kế đi ngầm, được cấp điện từ các trạm biến áp chuyên dùng.

- Bố trí các TBA cấp điện cho khu điều hành dịch vụ, đất hạ tầng kỹ thuật và cấp điện chiếu sáng. Quy mô công suất các trạm trong các lô đất được tính toán cụ thể ở bước lập dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi), thiết kế cơ sở trên cơ sở thỏa thuận, thống nhất với đơn vị cấp điện.

- Thông tin liên lạc: Đầu tư xây dựng mới hệ thống thông tin liên lạc hoàn chỉnh. Các tuyến cống bể và cáp sẽ được đi ngầm.

g) Giải pháp bảo vệ môi trường:

Các dự án đầu tư xây dựng trong quy hoạch phân khu khi được triển khai xây dựng sẽ được thực hiện đánh giá môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường, bảo đảm thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ an toàn môi trường theo quy định.

4. Kế hoạch thực hiện quy hoạch, dự án ưu tiên đầu tư

4.1. Công bố công khai, cắm mốc giới quy hoạch phân khu.

4.2. Tổ chức lập dự án đầu tư và kêu gọi thu hút đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.

4.3. Thực hiện giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp.

4.4. Tổ chức thu hút đầu tư các dự án thứ cấp (nhà máy, kho tàng, dịch vụ, lưu trú...).

4.5. Thực hiện các nội dung, công việc khác liên quan đến quản lý, đầu tư, xây dựng... theo quy định pháp luật liên quan.

4.6. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND huyện Nam Sách tổ chức quản lý, giám sát các hoạt động xây dựng trong Khu công nghiệp bảo đảm theo thẩm quyền, quy định pháp luật liên quan và quy hoạch được phê duyệt.

4.7. Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; Các dự án thứ cấp (nhà máy, kho tàng, dịch vụ, lưu trú, thiết chế văn hóa thể thao...).

5. Quy định quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch

Nội dung chi tiết tại Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch do Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Á Châu lập, Sở Xây dựng thẩm định kèm theo.

(Chi tiết theo thuyết minh và bản vẽ quy hoạch kèm theo)

III. Nội dung liên quan

UBND huyện Nam Sách, đơn vị tư vấn lập quy hoạch chịu trách nhiệm về: Trình tự, thủ tục, kết quả lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch; trình tự tổ chức lấy ý kiến, nội dung, thành phần lấy ý kiến và tổng hợp, báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến tham gia, thẩm định đối với đồ án quy hoạch theo quy định; tính chính xác về ranh giới, diện tích, hiện trạng sử dụng đất (đặc biệt diện tích đất trồng lúa)..., các số liệu, chỉ tiêu quy hoạch, tài liệu trong hồ sơ trình quy hoạch; căn cứ, cơ sở của dự báo quy mô lao động, tính toán nhu cầu lưu trú công nhân; sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương; đánh giá về các dự án đầu tư, đầu tư xây dựng; không để xảy ra các chồng chéo, tranh chấp, khiếu kiện trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch.

IV. Tổ chức thực hiện

1. UBND xã An Phú (được thành lập theo Nghị quyết số 1669/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hải Phòng năm 2025)

1.1. Tổ chức công bố công khai quy hoạch theo quy định, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử Cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh Hải Dương tại địa chỉ <http://quyhoach.haiduong.gov.vn>.

1.2. Nộp sản phẩm thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ địa hình, bản đồ quy hoạch về Sở Nông nghiệp và Môi trường (trực tiếp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hải Dương) để quản lý, lưu trữ, khai thác sử dụng theo quy định, để cập nhật, lưu trữ vào hệ thống ArcGIS để phục vụ cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia.

1.3. Tổ chức triển khai cắm mốc giới và quản lý xây dựng theo quy hoạch bảo đảm đúng quy định; xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch.

1.4. Xác định, đề xuất (hoặc phối hợp đề xuất) các dự án đầu tư xây dựng trong phạm vi lập quy hoạch; khi đề xuất thực hiện các dự án đầu tư, đầu tư xây dựng có trách nhiệm xác định ranh giới và quy mô các dự án, phạm vi đầu tư khớp nối các công trình hạ tầng kỹ thuật, đề xuất các cam kết thực hiện của các nhà đầu tư (nếu có, về: sử dụng chung các tuyến đường; hoàn trả hạ tầng kỹ thuật...).

1.5. Đề xuất các giải pháp thực hiện cải tạo, mở rộng các tuyến đường giao thông trong các khu dân hiện hữu lân cận khu công nghiệp bảo đảm kết nối phục vụ nhu cầu đi lại thuận tiện của nhân dân, bảo đảm an toàn.

1.6. Phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh giám sát, quản lý việc thực hiện quy hoạch được phê duyệt.

1.7. Việc tổ chức thực hiện quy hoạch, các dự án đầu tư, đầu tư xây dựng trong khu vực quy hoạch phân khu trên: phải bảo đảm phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan; Quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất của địa phương được phê duyệt; quy hoạch chuyên ngành khác (nếu có) được phê duyệt.

2. Ban Quản lý các khu công nghiệp

2.1. Tham mưu cho UBND tỉnh các nội dung về triển khai đầu tư, quản lý Khu công nghiệp Nam Sách 1 và các nhiệm vụ khác theo chức năng, nhiệm vụ và quy định pháp luật.

2.2. Thực hiện quản lý quy hoạch xây dựng, trật tự xây dựng khu công nghiệp theo thẩm quyền.

3. Giao Sở Xây dựng

Hướng dẫn, quản lý, giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện quy hoạch bảo đảm đồng bộ, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Công an tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND xã An Phú và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, CV. Minh (03b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu Văn Bản